

Bản án số: 624/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2024

"V/v Tranh chấp về lý hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trịnh Hoàng Vân Anh -
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:** Bà
Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp lý hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn B, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: đường H,, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường T, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Như Y, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Văn B trình bày:

Ông và bà Lê Thị Như Y qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1978, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy công nhận kết hôn số: 76, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường S, thị xã M, tỉnh Minh Hải cấp ngày 20/12/1978).

Ông và bà Y sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mâu thuẫn quá nhiều có thể dẫn đến xúc phạm nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với bà Lê Thị Như Y.

- Về quan hệ con chung: Ông và bà Lê Thị Như Y có một con chung họ và tên là: Dương Lê N (nữ), sinh ngày 19/07/1987 (Đã trưởng Thành).

- Về quan hệ tài sản chung: Ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông xác nhận là không có.

Ông Dương Văn B cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Như Y, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân Quận 7 cho bà Lê Thị Như Y gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/07/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Tuy nhiên bà Lê Thị Như Y vắng mặt không lý do và tại phiên tòa sơ thẩm vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Như Y theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Y kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy

định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án chưa được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại điều 70, điều 72, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự,

*** Y kiến về việc giải quyết vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Ông Dương Văn B và bà Lê Thị Như Y kết hôn năm 1978 tại Ủy ban nhân dân Phường S, thị xã M, tỉnh Minh Hải là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Dương Văn B là do vợ chồng không có cùng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mâu thuẫn quá nhiều có thể dẫn đến xúc phạm nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Như Y vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bà Y không đến Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ thể hiện bà Y không muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm gia đình, bà Y phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng của ông B và bà Y không còn khả năng hàn gắn, do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu lý hôn của ông B.

Về con chung: Ông B và bà Y có 01 con chung là Dương Lê N (nữ), sinh ngày 19/07/1987 (Đã trưởng Thành).

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân gia đình: Ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí **lý** hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Dương Văn B yêu cầu **lý** hôn với bà Lê Thị Như Y, đây là tranh chấp về **lý** hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Phiếu yêu cầu xác minh số: 116/2024/PYCXM ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: “*Bà Lê Thị Như Y, sinh năm 1960, hiện thực tế cư trú tại địa chỉ 019 Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Do bị đơn bà Lê Thị Như Y hiện đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn, bà Lê Thị Như Y mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Y vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị Như Y tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Như Y theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét, ông Dương Văn B và bà Lê Thị Như Y có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy công nhận kết hôn số: 76, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường S, thị xã M, tỉnh Minh Hải cấp ngày 20/12/1978) do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Dương Văn B: Ông và bà Y chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mâu thuẫn quá nhiều có thể dẫn đến xúc phạm nhau. Ông và bà Y đã nhiều lần ngồi lại, động viên hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện thông qua việc mở các phiên hòa giải và phiên họp để cho bà Y có cơ hội trình bày, hàn gắn, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, bà Lê Thị Như Y vẫn vắng mặt không lý do và tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị Như Y vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện sự thiếu trách nhiệm của bà Y đối với quan hệ hôn nhân của mình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ do đó yêu cầu lý hôn của ông Dương Văn B là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Các đương sự có 01 con chung, họ tên là: Dương Lê N (nữ), sinh ngày 19/07/1987 (Đã trưởng thành).

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Ông Dương Văn B xác định là tự thỏa thuận với nhau. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ chung: Ông Dương Văn B xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Đối với Y kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là căn cứ, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là do nguyên nhân khách quan do bị đơn bà Lê Thị Như Y không hợp tác gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn B là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009. Căn cứ Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Dương Văn B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Như Y.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn B về việc yêu cầu **lý** hôn với bà Lê Thị Như Y.

Xử, cho ông Dương Văn B được lý hôn với bà Lê Thị Như Y (Giấy chứng nhận kết hôn số: 76, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường S, thị xã M, tỉnh Minh Hải cấp ngày 20/12/1978 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung họ tên là: Dương Lê N (nữ), sinh ngày 19/07/1987 (Đã trưởng thành).

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Ông Dương Văn B xác nhận là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về quan hệ nợ chung: Không có.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn B được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, ông Dương Văn B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, bà Lê Thị Như Y có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- UBND Phường 06, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk.Vân Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Lê Anh